

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI
TỈNH QUẢNG BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 17/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 27/6/2025

“V/v kiện xin ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐỒNG HỚI, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phúc Nam

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Xuân Văn

2. Bà Lê Thị Thuý Mai

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

Trong các ngày 23 tháng 6 năm 2025 và ngày 27 tháng 6 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 45/2025/TLST - HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2025 về việc “*Ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2025/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2025 và Thông báo về thời gian tuyên án số: 97/2025/TB-TA ngày 23 tháng 6 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị Ánh N – Sinh ngày: 30/10/1994

Căn cước công dân số: 044194018848 do Bộ Công an cấp ngày 21/01/2023.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Nhóm 7, Tổ dân phố 02, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

Địa chỉ cần báo: Ngõ 65, nhà số 01, đường P, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Chị N có mặt.

- Bị đơn: Anh Phan Duy T; Sinh ngày: 15/12/1983.

Căn cước công dân số: 044083002601 do Cộ Công an cấp ngày 21/01/2023

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Nhóm 7, Tổ dân phố 02, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình. Anh T có mặt tại phiên tòa ngày 23/7/2025 và vắng mặt lúc tuyên án ngày 27/6/2025.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện xin ly hôn đề ngày 21 tháng 4 năm 2025 và nội dung được bổ sung tại bản tự khai, các biên bản hòa giải và tại phiên tòa - Nguyên đơn chị Lê Thị Ánh N trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Ánh N và anh Phan Duy T đăng ký kết hôn hợp pháp vào ngày 25 tháng 02 năm 2016 tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình theo Giấy chứng nhận kết hôn số 21/2016. Chị N và anh T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Mâu thuẫn trầm trọng từ khoảng cuối năm 2024 và từ đó đến nay vợ chồng đã ly thân. Nguyên nhân là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, cách sống của mỗi người khác nhau, thường xuyên cãi vã. Cuộc sống chung không có sự quan tâm chia sẻ, việc ai nấy làm, thiếu sự tin tưởng nhau, dẫn đến vợ chồng dần mất niềm tin trong hôn nhân. Mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Đối với nội dung anh T trình bày tại bản tự khai đề ngày 21 tháng 5 năm 2025 và tại biên bản hòa giải ngày 29 tháng 5 năm 2025 lập tại Tòa án thì anh T cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do chị N không chung thủy và có quan hệ với người khác giới làm ảnh hưởng hôn nhân vợ chồng thì chị N không đồng ý vì sự thật chị thừa nhận điện thoại nói chuyện cho vui chứ không có tình cảm gì khác. Theo chị N thì sự việc nghi ngờ xảy ra càng chứng minh cuộc sống hôn nhân, tình cảm của anh chị lâu nay đã mất lòng tin nên hiện tại càng rơi vào bế tắc. Mặc dù vợ chồng đã nhiều cố gắng tìm cách giải quyết để xây dựng gia đình, nuôi dạy con tốt nhưng vợ chồng vẫn không giải quyết được, mâu thuẫn ngày tăng lên. Nay chị N mong muốn Tòa án cho chị Lê Thị Ánh N ly hôn với anh Phan Duy T.

- Về quan hệ con chung: Chị Lê Thị Ánh N trình bày quá trình chung sống vợ chồng có một con chung là: Cháu Phan Lê Thảo V, sinh ngày 11/4/2023. Hiện nay cháu V đang ở cùng chị N và vẫn thường xuyên được anh T qua lại thăm nom. Chị N có nguyện vọng sau khi ly hôn được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Phan Lê Thảo V vì cháu còn nhỏ, cần sự quan tâm, chăm sóc của mẹ và đề nghị sau khi ly hôn anh T đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) mỗi tháng cho đến khi con tròn 18 tuổi.

- Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Chị Lê Thị Ánh N trình bày vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

** Tại bản tự khai đề ngày 21 tháng 05 năm 2025 do Bị đơn là anh Phan Duy T lập, tại Biên bản hòa giải ngày 29 tháng 5 năm 2025 và tại phiên toà – Bị đơn là anh Phan Duy T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Phan Duy T đồng ý như trình bày của chị Nguyệt về thời gian, địa điểm đăng ký kết hôn. Về nguyên nhân mâu thuẫn, anh T đồng ý thừa nhận vợ chồng đã nhiều lần xảy ra mâu thuẫn trầm trọng từ khoảng cuối năm 2024 và từ đó đến nay vợ chồng đã sông ly thân. Theo ý kiến của anh T thừa nhận nguyên nhân là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, cách sống của mỗi người khác nhau, thường xuyên cãi vã, xúc phạm nhau. Tuy nhiên, anh T cho rằng nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn xuất phát từ việc chị N không chung thủy, anh T bắt gặp chị N liên lạc qua điện thoại với bạn khác giới với những lời lẽ hèn hò, dẫn đến vợ chồng mất lòng tin trong hôn nhân và vì bức xúc nên anh T có đánh chị N. Anh T trình bày từ thời điểm vợ chồng phát sinh mâu thuẫn dẫn đến ly thân, ở riêng cho đến nay, cả hai vợ chồng đều không có biện pháp nào để ngồi lại cùng nhau trao đổi, khắc phục mâu thuẫn. Tuy nhiên, tại phiên toà ngày 23 tháng 6 năm 2025, anh T mong muốn Hội đồng xét xử kéo dài thời gian giải quyết vụ án để vợ chồng và gia đình hai bên có thời gian ngồi lại trao đổi, tìm cách giải quyết mâu thuẫn. Do đó, tại phiên toà anh T không đồng ý ly hôn với chị Lê Thị Ánh N.

- Về quan hệ con chung: Anh Phan Duy T cũng thống nhất thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng với chị Lê Thị Ánh N có một con chung là cháu Phan Lê Thảo V, sinh ngày 11/4/2023. Theo anh T trình bày hiện nay anh T làm nghề lao động tự do, mức thu nhập trung bình 15 triệu đến 20 triệu/tháng. Tại phiên toà anh T đề nghị được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Phan Lê Thảo V yêu cầu chị N đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản chung và nợ chung: Anh Phan Duy T trình bày vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Vì bị đơn là anh Phan Duy T không đồng ý ly hôn nên hòa giải không thành. Do vụ án thuộc trường hợp hòa giải không thành nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Chị Lê Thị Ánh N có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới giải quyết ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; là nơi bị đơn anh Phan Duy Tân có đăng ký nhân khẩu thường trú tại: Tổ dân phố 02, phường B, thành phố Đ. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới, tỉnh Quảng Bình.

[1.1] Về sự có mặt của các đương sự: Xét thấy, sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Đồng Hới đã ra thông báo thụ lý vụ án và gửi cho các bên đương sự kèm theo giấy triệu tập đến Tòa án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải. Các đương sự đều đã thực hiện quyền, nghĩa vụ của đương sự trong vụ án. Cụ thể: Chị N và anh T đều đến Tòa án làm bản tự khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải. Tuy nhiên, việc hoà giải không đạt được thoả thuận của các bên đương sự do đó Tòa án ban hành quyết định đưa vụ án ra xét xử theo luật định. Ngày 23 tháng 6 năm 2025 Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 86/2025/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2025.

Tại phiên toà các ngày 23 tháng 6 năm 2025 chị N và anh T đều có mặt. Tuy nhiên tại phiên toà ngày 27 tháng 6 năm 2025 tuyên án thì anh Phan Duy T vắng mặt không có lý do mặc dù đã được giao nhận trực tiếp văn bản thông báo về thời gian tuyên án. Vì vậy Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Ánh N và anh Phan Duy T có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 25 tháng 02 năm 2016 tại Ủy ban nhân dân phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình theo Giấy chứng nhận kết hôn số 21/2016. Việc kết hôn của anh, chị trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cấp có thẩm quyền. Vì vậy, hôn nhân của hai người là hoàn toàn hợp pháp; anh chị đã có thời gian khá dài chung sống; lẽ ra anh chị phải biết thương yêu, nhường nhịn, tôn trọng, tin tưởng nhau cùng nhau chia sẻ khó khăn xây dựng gia đình hạnh phúc. Nhưng ngược lại anh chị không làm được điều đó để giữ gìn hôn nhân bền vững, cuộc sống chung vợ chồng trong nhiều năm gần đây luôn xảy ra mâu thuẫn, bất đồng.

Tại phiên toà, chị N và anh T đều thống nhất thừa nhận nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng chủ yếu do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, cách sống của mỗi người khác nhau, thường xuyên cãi vã, chị thừa nhận chỉ điện thoại trao đổi cho vui chứ thực sự không có việc ngoại tình nhưng vợ chồng không có sự tin tưởng nhau, dẫn đến mất dần tình cảm. Vợ chồng đã ly thân và ở riêng từ khoảng cuối năm 2024 cho đến nay. Tại phiên toà,

chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên chị N giữ nguyên toàn bộ yêu cầu khởi kiện và kiên quyết xin được ly hôn. Còn phía anh T trình bày nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn xuất phát từ việc anh T bắt gặp chị N liên lạc qua điện thoại với bạn khác giới với những lời lẽ hèn hạ, dẫn đến vợ chồng mất lòng tin trong hôn nhân và vì bức xúc nên anh T thừa nhận có hành vi đánh chị N. Tuy nhiên, tại phiên toà anh T xét thấy tình cảm vợ chồng đang còn và mong muốn Hội đồng xét xử kéo dài thời gian giải quyết để vợ chồng và gia đình hai bên có thời gian ngồi lại trao đổi, tìm cách giải quyết mâu thuẫn. Do đó, tại phiên toà anh T không đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy quá trình giải quyết vụ án Toà án đã tiến hành hoà giải phân tích cho anh chị và cũng tạo điều kiện về thời gian để vợ chồng trao đổi để đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình và quyết định kéo dài thời gian nghị án của Hội đồng xét xử đã thể hiện Toà án tạo điều kiện về mọi mặt để vợ chồng chị N, anh T có thêm thời gian ngồi lại trao đổi, cùng bàn bạc thống nhất đưa ra phương án tìm cách khắc phục mâu thuẫn. Tuy nhiên, từ đó đến nay, cả anh T và chị N đều bỏ mặc cuộc hôn nhân, không có biện pháp gì làm thay đổi tình trạng mâu thuẫn căng thẳng giữa vợ chồng. Điều đó thể hiện, mâu thuẫn trong hôn nhân giữa chị N và anh T đã quá trầm trọng, không thể khắc phục được, đời sống chung không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho vợ chồng ly hôn là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị Lê Thị Ánh N và anh Phan Duy T thống nhất thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng có một con chung là cháu Phan Lê Thảo V, sinh ngày 11/4/2023. Căn cứ thực tế việc nuôi dưỡng con chung như hiện nay của vợ chồng chị N và anh T đã thống nhất trình bày hiện nay cháu Vy đang ở cùng chị Nguyệt và vẫn thường xuyên được anh T qua lại quan tâm, thăm nom. Chị N có nguyện vọng sau khi ly hôn được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Phan Lê Thảo V vì cháu còn nhỏ, cần sự quan tâm, chăm sóc của mẹ. Anh Phan Duy T cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Hội đồng xét xử xét thấy chị Nguyệt, anh Tân đều có nguyện vọng xin được nuôi con là hoàn toàn chính đáng. Tuy nhiên do cháu Phan Lê Thảo V, sinh ngày 11/4/2023 hiện đang còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của chị Nguyệt về việc giao con chung là cháu Phan Lê Thảo V cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N yêu cầu Anh Phan Duy T có nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) mỗi tháng cho đến khi cháu Phan Lê Thảo V tròn 18 tuổi là hoàn toàn phù hợp cần được chấp nhận.

[2.3] Về chia tài sản và nợ chung: Chị Lê Thị Ánh N và anh Phan Duy T đều thống nhất trình bày vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Áp dụng khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Án phí ly hôn sơ thẩm Chị N phải chịu án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Anh Phan Duy T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 và khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị Ánh N. Xử cho chị Lê Thị Ánh N được ly hôn anh Phan Duy T.

2. Về quan hệ con chung: Giao chị Lê Thị Ánh N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Phan Lê Thảo V, sinh ngày 11/4/2023. Buộc anh Phan Duy T có nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) mỗi tháng cho đến khi cháu Phan Lê Thảo V tròn 18 tuổi.

Không ai có quyền cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền, nghĩa vụ trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn. Trong trường hợp cần thiết vì quyền lợi của con, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng và mức cấp dưỡng đối với con chung.

3. Về tài sản chung: Không xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc chị Lê Thị Ánh N phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn. Số tiền chị Lê Thị Ánh N phải nộp được khấu trừ từ số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Nguyệt đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đồng Hới theo biên lai số 0001712 ngày 06 tháng 5 năm 2025. Chị Nguyệt đã nộp đủ.

Buộc anh Phan Duy T phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai, báo cho các đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 27/6/2025); bị đơn vắng mặt tại phiên tòa phần tuyên án có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết tại chính quyền địa phương nơi cư trú./.

Nơi nhận:

- VKSND TP Đồng Hới;
- TAND Tỉnh Quảng Bình;
- Chi cục T.H.A D.S TP Đồng Hới;
- Các đương sự;
- UBND phường B;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Phúc Nam

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

toà

**Thẩm phán
Chủ toạ phiên**

**Trần Xuân Văn
Nam**

Lê Thị Thuý Mai

Nguyễn Phúc